

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2020/DS-PT**

Ngày 13 - 5 - 2020

V/v: “*Tranh chấp thừa kế tài sản liên
quan đến yêu cầu tuyên bố bản di
chức là vô hiệu*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án, Tòa
án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn
Nam Anh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà
Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2019/TLPT-DS
ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản liên quan đến
yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng (bản di chúc) là vô hiệu*”. Do Bản án dân
sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân
tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- Ông Hồ Tuấn V, sinh năm 1957; Địa chỉ: 184/06/02 đường Đ1, phường
T2, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bà Hồ Thị Thanh H, sinh năm 1960, địa chỉ: Cộng hòa Pháp. Có mặt.

- Bà Hồ Thị Kim C, sinh năm 1963, địa chỉ: tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà C: Ông Hồ Tuấn V; Địa chỉ:
184/06/02 đường Đ1, phường T2, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V, bà H: Luật sư Lê Văn
C, Công ty Luật TNHH MTV F; Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Hồ Thị H1, sinh năm 1972; Địa chỉ: 184/06/02 đường Đ1,
phường T2, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Thị Trà M, Công ty Luật hợp danh TH; Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1937; Địa chỉ: 184/06/02 đường Đ1, phường T2, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Bà L bị mất năng lực hành vi dân sự, người giám hộ cho bà L: Ông Hồ Tuấn V. Có mặt.

- Ông Hồ Tuấn N, sinh năm 1969; Địa chỉ: 184/06/02 đường Đ1, phường T2, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông N: Bà Hồ Thị H1; Địa chỉ: 184/06/02 đường Đ1, phường T2, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Văn phòng công chứng N1, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ: 9/6 Trần đường TN, phường V2, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình H3, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Sư cô Thích Nữ Diệu L1; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Xuân Đ, sinh năm 1972. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Chùa D, số 184/4/6 Đường Đ1, phường T2, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969.

- Chị Nguyễn Hồ Kiều Tr, sinh năm 1999.

- Chị Nguyễn Hồ Kiều O, sinh năm 2000.

- Chị Nguyễn Thị Kiều Nh, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: 184/06/02 đường Đ1, phường T2, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D, chị Tr, chị O, chị Nh: Bà Hồ Thị H1; Địa chỉ: 184/06/02 đường Đ1, phường T2, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là các ông, bà Hồ Tuấn V, Hồ Thị Thanh H, Hồ Thị Kim C trình bày:

Bố mẹ các nguyên đơn là cụ ông Hồ Đắc V1 (sinh năm 1932, chết ngày 26/10/2015) và cụ bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1937. Bố mẹ các nguyên đơn trong quá trình chung sống có sinh được 05 người con chung gồm: ông Hồ Tuấn V, sinh năm 1957; bà Hồ Thị Thanh H, sinh năm 1960; bà Hồ Thị Kim C, sinh năm 1963; ông Hồ Tuấn N, sinh năm 1969 và bà Hồ Thị H1, sinh năm

1972. Ngoài những người con chung trên thì bố mẹ các nguyên đơn không có người vợ, người chồng, người con riêng và con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc nhà và đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại 92/6/2 Đường Đ1 (nay là 184/6/2 Đường Đ1 (số cũ) và 6/2 đường T1 (số mới)) là do bố mẹ của các nguyên đơn và bị đơn tạo lập, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 24/6/2002 đứng tên ông Hồ Đắc V1 và bà Nguyễn Thị Hồng L với diện tích 1008m². Trong quá trình sử dụng thửa đất nói trên thì bố mẹ các nguyên đơn đã tiến hành sang nhượng cho con gái (Hồ Thị Thanh H) diện tích 260m² vào năm 1997; tiến hành sang nhượng 58m² cho sư cô Thích Nữ Diệu L1 (trụ trì chùa K) vào năm 2001; sang nhượng cho vợ chồng ông Trần Văn V3 và bà Nguyễn Thị Ng 80m² cũng vào năm 2001. Như vậy, diện tích thửa đất nói trên của bố mẹ các nguyên đơn sau khi trừ đi diện tích đã chuyển nhượng chỉ còn 610m².

Vào ngày 23/4/2014 cụ ông Hồ Đắc V1 có tiến hành lập Di chúc tại Văn phòng công chứng N1, tỉnh Thừa Thiên Huế thể hiện việc để lại 1/2 tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ bà Nguyễn Thị Hồng L tại thửa đất 27, tờ bản đồ 14 tọa lạc tại 92/6/2 Đường Đ1 (nay là 184/6/2 Đường Đ1 (số cũ) và 6/2 đường T1 (số mới)) cho bà Hồ Thị H1. Các nguyên đơn cho rằng bản Di chúc này không đúng pháp luật vì di chúc có nhiều biểu hiện vi phạm pháp luật về hình thức cũng như pháp luật dân sự; nội dung di chúc không nêu đúng diện tích trên thực tế của thửa đất và không có tinh thần đạo đức, tập quán truyền thống của Việt Nam. Bởi các lý do nói trên nên các nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản di chúc của cụ ông Hồ Đắc V1 lập vào ngày 23/4/2014 tại Văn phòng Công chứng N1, tỉnh Thừa Thiên Huế là vô hiệu.

Do văn bản di chúc vô hiệu nên ông, bà đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ ông Hồ Đắc V1 để lại trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Thị Hồng L theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các nguyên đơn cũng đề nghị Tòa án xem xét việc trước đây bố mẹ đã cho ông Hồ Tuấn N và bà Hồ Thị H1 quyền sử dụng đất và họ đã được cấp Giấy chứng nhận thì nay đề nghị Tòa án cần công nhận việc bố mẹ các nguyên đơn đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho con gái là Hồ Thị Thanh H diện tích 260m² tại thửa đất nói trên vào năm 1997. Các nguyên đơn đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế do cụ ông Hồ Đắc V1 chết để lại theo hướng như sau: Trích diện tích 58m² để xây dựng ngôi nhà dùng vào việc thờ tự, diện tích còn lại thì chia cho các thành viên nằm trong hàng thừa kế, nếu người con nào đã được tặng cho đất trước đây mà vượt quá số kỷ phần được hưởng di sản của cụ V1 thì phải thanh toán bằng giá trị với kỷ phần vượt quá số kỷ phần được hưởng.

Ngoài việc yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ ông Hồ Đắc V1 để lại tại thửa đất 27, tờ bản đồ 14 tọa lại tại 6/2 đường T1 (số mới), nguyên đơn còn yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế do cụ ông Hồ Đắc V1 và cụ Nguyễn Thị Hồng L đã tạo lập gồm tiền, vàng, ngoại tệ, đồ dùng sinh hoạt trong đời sống hàng ngày, các loại giấy tờ, sổ sách công nợ quan trọng, di ảnh, di vật, đồ thờ cúng, cây cảnh, hoa cảnh, bonsai..... Nguyên đơn đề nghị Tòa án thu hồi các di sản nói trên từ bà Hồ Thị H1 để trả lại cho nguyên đơn.

Bị đơn- bà Hồ Thị H1 trình bày:

Về nguồn gốc tạo lập nhà đất tại thửa số 27, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại 92/6/2 Đường Đ1 (nay là 184/6/2 Đường Đ1 (số cũ) và 6/2 đường T1 (số mới) và hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày là đúng.

Quá trình sử dụng thửa đất nói trên, bố mẹ bà là cụ ông Hồ Đắc V1 và cụ bà Nguyễn Thị Hồng L đã tiến hành chuyển nhượng một phần diện tích, cụ thể như sau:

Năm 2004, chuyển nhượng cho con gái là bà Hồ Thị H1 diện tích 79m² đất trong tổng diện tích đất 1.008m² theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố H2 xác nhận vào ngày 20/9/2004 trên hình thức cha mẹ cho con và được tách thành thửa đất số 110, tờ bản đồ số 14 nhưng sau đó bà H1 đã chuyển nhượng lại cho người khác.

Năm 2005, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Văn V3 bà Nguyễn Thị Ng diện tích 80m² theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Phòng Công chứng số Y tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận ngày 15/9/2005 và được tách thửa thành thửa 126, tờ bản đồ 14.

Cùng ngày 15/9/2005, chuyển nhượng cho con trai là ông Hồ Tuấn N diện tích 137m² theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Phòng Công chứng số Y tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận ngày 15/9/2005 và được tách thửa thành thửa đất số 125, tờ bản đồ 14 nhưng sau đó ông N đã chuyển nhượng lại cho người khác.

Còn lại 712m² đất trở thành thửa đất số 127, tờ bản đồ 14 thuộc quyền quản lý, sử dụng của bố mẹ bà.

Đối với diện tích 58m² bố mẹ bà đã chuyển nhượng cho sư cô Thích Nữ Diệu L1 ở chùa K thì bà công nhận việc chuyển nhượng này (theo Giấy chuyển nhượng đất ở được viết tay vào ngày 10/3/2001 với giá chuyển nhượng là 16.000.000 đồng). Bố mẹ bà đã nhận đủ tiền chuyển nhượng từ Sư cô Thích Nữ Diệu L1. Tuy nhiên do phần đất chuyển nhượng nằm ở vị trí khó mở lối đi ra đường chính nên 58m² đất vẫn còn nằm trong thửa đất số 27, tờ bản đồ 14, nay nằm trong thửa đất số 127, tờ bản đồ số 14 diện tích 712m² tọa lại tại 6/2 đường T1 (số mới).

Đối với việc chuyển nhượng 260m² đất cho bà Hồ Thị Thanh H tại thửa đất nói trên thì vấn đề này bà H1 không hề hay biết gì và cũng chưa bao giờ nghe bố mẹ công khai việc này trong gia đình. Bà H1 nhận thấy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 260m² nói trên do nguyên đơn xuất trình là không hợp pháp nên bà không chấp nhận.

Ngày 23/4/2014 bố bà (cụ ông Hồ Đắc V1) lập di chúc định đoạt phần tài sản của ông nằm trong khối tài sản chung với mẹ bà (bà Nguyễn Thị Hồng L) là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ 14, diện tích 712m² nói trên và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở được Ủy ban nhân dân thành phố H2 cấp vào ngày 24/6/2002 được điều chỉnh sau cùng vào ngày 30/11/2005. Nguyên vọng của cụ V1 là để lại phần tài sản của cụ cho bà H1 để sau này cụ mất đi thì bà sẽ là người đảm nhận việc hương khói, thờ tự trong gia đình. Bà H1 cho rằng việc lập di chúc của cụ ông Hồ Đắc V1 đảm bảo đúng theo quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận bản Di chúc này.

Đối với yêu cầu của các nguyên đơn cho rằng bà là người đang nắm giữ tiền, vàng, ngoại tệ, đồ dùng sinh hoạt trong đời sống hàng ngày, các loại giấy tờ, sổ sách công nợ quan trọng, di ảnh, di vật, đồ thờ cúng, cây cảnh, hoa cảnh, bonsai do bố mẹ tạo lập là hoàn toàn vô căn cứ và không có thật nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Hồ Tuấn N trình bày:

Ông đồng ý với bản Di chúc do bố ông (cụ ông Hồ Đắc V1) lập vào ngày 23/4/2014. Việc các nguyên đơn cho rằng bị đơn chiếm dụng số tiền, vàng, ngoại tệ, đồ dùng sinh hoạt trong đời sống hàng ngày, các loại giấy tờ, sổ sách công nợ quan trọng, di ảnh, di vật, đồ thờ cúng, cây cảnh, hoa cảnh, bonsai... của bố mẹ ông tạo lập là không đúng và không có căn cứ. Ông hoàn toàn đồng ý với việc chuyển nhượng 58m² cho Sư cô Thích Nữ Diệu L1 và không đồng ý với việc nguyên đơn cho rằng bố mẹ ông có chuyển nhượng 260m² đất cho bà Hồ Thị Thanh H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- Sư cô Thích Nữ Diệu L1 (đại diện là bà Huỳnh Thị Xuân Đ) trình bày:

Vào ngày 10/3/ 2001 Sư cô Thích Nữ Diệu L1 có nhận chuyển nhượng 58m² từ vợ chồng cụ Hồ Đắc V1 và cụ Nguyễn Thị Hồng L với giá chuyển nhượng là 16.000.000 đồng. Hiện nay diện tích chuyển nhượng nói trên vẫn còn nằm trong thửa đất số 27, tờ bản đồ 14, nay nằm trong thửa đất số 127, tờ bản đồ số 14 diện tích 712m² tọa lại tại 6/2 đường T1 (số mới). Hiện nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế do cụ Hồ Đắc V1 để lại thì Sư cô đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Sư cô theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Văn phòng Công chứng N1 trình bày:

Căn cứ vào các quy định của pháp luật dân sự và các giấy tờ kèm theo trong việc thiết lập bản di chúc do Hồ Đắc V1 lập vào ngày 23/4/2014 tại Văn phòng Công chứng N1 là hoàn toàn đúng pháp luật. Tại thời điểm yêu cầu lập di chúc, cụ Hồ Đắc V1 ngoài việc cung cấp các giấy tờ liên quan thì cụ V1 đã tự nguyện yêu cầu, không bị ai ép buộc, lập bản di chúc trong trạng thái hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt; nội dung yêu cầu công chứng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; việc tiếp nhận yêu cầu công chứng Di chúc và chứng nhận Di chúc của cụ Hồ Đắc V1 là đúng quy định về trình tự và thủ tục công chứng. Bản Di chúc chỉ định đoạt phần tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Thị Hồng L chứ không định đoạt phần quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở của bà Nguyễn Thị Hồng L.

Do đó, căn cứ vào các quy định pháp luật và giá trị pháp lý của Văn bản công chứng nên yêu cầu của nguyên đơn đối với việc tuyên bố văn bản công chứng (bản Di chúc do cụ Hồ Đắc V1 lập vào ngày 23/4/2014) vô hiệu là không có cơ sở.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 13/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2019;

Áp dụng Điều 35, Điều 36, Điều 48 Luật Công chứng năm 2006; Điều 122, Điều 223, Điều 655, Điều 672 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 106, khoản 5 Điều 113 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 3 Điều 21, Điều 91 Luật Nhà ở năm 2005;

1. Tuyên bố Di chúc do cụ Hồ Đắc V1 lập vào ngày 23/4/2014 tại Văn phòng Công chứng N1 là bản Di chúc hợp pháp.

2. Bác đơn khởi kiện của ông Hồ Tuấn V, bà Hồ Thị Thanh H, bà Hồ Thị Kim C về yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với di sản của cụ ông Hồ Đắc V1 trong khối tài sản chung với cụ bà Nguyễn Thị Hồng L tại thửa đất 127, tờ bản đồ số 14 diện tích 712m² tọa lại tại 92/6/2 Đường Đ1 (nay là 184/6/2 Đường Đ1 (số cũ) và 6/2 đường T1 (số mới)).

Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong thời hạn luật định, bà Hồ Thị Kim C, ông Hồ Tuấn V, bà Hồ Thị Thanh H kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Hồ Thị Kim C, ông Hồ Tuấn V, bà Hồ Thị Thanh H, (ông V là nguyên đơn đồng thời là người giám hộ cho cụ L)

vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hồ Thị Kim C, ông Hồ Tuấn V, bà Hồ Thị Thanh H.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Cụ Hồ Đắc V1 (chết ngày 26/10/2015) và cụ Nguyễn Thị Hồng L có 5 người con gồm Hồ Tuấn V, Hồ Thị Thanh H, Hồ Thị Vân, Hồ Thị H1, Hồ Tuấn N. Tài sản của cụ V1 và cụ L gồm diện tích 712m² tại thửa đất 127, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại 92/6/2 Đường Đ1 (nay là 184/6/2 Đường Đ1 (số cũ) và 6/2 đường T1 (số mới)). Trên đất có 01 nhà diện tích 80,6m² (*nhà số 3 theo biên bản xem xét ngày 10/3/2020*).

[2] Ngày 23/4/2014 cụ Hồ Đắc V1 lập bản di chúc định đoạt phần tài sản của mình trong khối tài sản chung của cụ V1 và cụ L cho bà Hồ Thị Thanh H.

Sau khi biết có bản di chúc các ông, bà Hồ Tuấn V (*ông V còn là người giám hộ cho cụ L*) Hồ Thị Thanh H, Hồ Thị Vân khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ V1 và hủy di chúc.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo của ông, bà Hồ Tuấn V (*ông V là người giám hộ cho cụ L*) Hồ Thị Thanh H, Hồ Thị Vân; Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại nội dung của bản di chúc lập ngày 23/4/2014 có nội dung: “*Sau khi chết thì toàn bộ phần tài sản là QSD đất, tài sản gắn liền với đất của tôi trong khối tài sản chung với bà Nguyễn Thị Hồng L được để lại cho người có tên sau được thừa kế theo quy định của pháp luật*” – bà Hồ Thị H1 sinh năm 1972. Văn bản di chúc trên được lập tại phòng công chứng N1, tỉnh Thừa Thiên Huế, và được lập trong tình trạng sức khỏe của cụ V1 là minh mẫn (có bản giám định sức khỏe dân sự của cụ V1 lập ngày 10/1/2014). Như vậy việc cụ V1 lập bản di chúc để định đoạt phần tài sản của mình trong khối tài sản chung của 02 vợ chồng cho bà H1 là hợp pháp. Theo di chúc thể hiện tài sản là diện tích 712m² đất. Vì vậy đơn khởi kiện cho rằng di chúc vô hiệu là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Ông Hồ Tuấn V, với tư cách là người giám hộ cho cụ L là người có tài sản chung với cụ V1 có liên quan đến di chúc, bà Hồ Thị Thanh H, Hồ Thị Cúc tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2017 đều có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồ

Đắc V1 và hủy di chúc. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp thừa kế tài sản liên quan đến yêu cầu hủy di chúc*”. Như vậy cụ V1 đã chết ngày 26/10/2015 thì các đồng thừa kế có quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ V1 để lại việc chia di sản sẽ xảy ra hai trường hợp là chia di sản theo di chúc nếu có di chúc hợp pháp, hoặc chia di sản theo pháp luật (*nếu không có di chúc hoặc di chúc không hợp pháp*). Trong vụ án này với yêu cầu của các nguyên đơn trong đó có yêu cầu của cụ L là vợ cụ V1 (*do ông V là người giám hộ*) là người có ½ tài sản trong khối tài sản chung với cụ V1 đã được định đoạt theo di chúc, đồng thời cụ L cũng là người được hưởng di sản không phụ thuộc vào nội di chúc theo quy định tại Điều 669 Bộ luật dân sự năm 2005 (*cụ L là vợ cụ V1 là người không đủ sức khỏe về thể chất và tinh thần, tại thời điểm cụ V1 lập di chúc cho chị Huệ tài sản, ông V là người giám hộ theo bản án của Tòa án*) có yêu cầu chia di sản, nhưng bản án sơ thẩm nhận định rằng do phía bà H1 không có yêu cầu chia tài sản theo di chúc nên bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết các yêu cầu của phía nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; để xác định rõ phần di sản bà H1 được chia theo di chúc và phần tài sản còn lại của cụ L, cũng như xác định rõ phần tài sản 02 cụ đã định đoạt cho Sư cô Thích Nữ Diệu L1 như bà H1 thừa nhận và phần tài sản đã định đoạt cho bà Hồ Thị Thanh H đồng thời xác định phần tài sản của cụ L được hưởng không phụ thuộc vào di chúc là có những thiếu sót.

Tại cấp phúc thẩm đã ủy thác cho Tòa sơ thẩm để xem xét chi tiết hiện trạng, nhà đất các bên đang thực tế quản lý sử dụng để xác định kỹ phần bà H1 được hưởng theo di chúc và phần tài sản còn lại của cụ L trong khối tài sản chung, sau khi đã trừ phần tài sản 02 cụ đã định đoạt cho Sư cô và bà H, cũng như phần tài sản của cụ L được hưởng theo quy định tại Điều 669 Bộ luật dân sự năm 2005 nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các đương sự trong đó có cụ L là người có tài sản chung liên quan đến di chúc (*tại đơn xin mở thừa kế và biên bản làm việc ngày 12/4/2017 ông V cũng đề nghị xin mở thừa kế theo di chúc BL 43 -44*).

[5] Xét: Diện tích đất 712m² (đo thực tế ngày 10/3/2020 là 714,7m²) của cụ V1 và cụ L khi còn sống vào năm 2001 hai cụ đã chuyển nhượng cho Sư cô Thích Nữ Diệu L1 58 m² (BL.301 -302), Sư cô đã làm nhà ở (*nhà số 1*) việc chuyển nhượng này được tất cả các bên thừa nhận. Đối với diện tích đất 260m² theo đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ L (*do ông V là người giám hộ*) đều cho rằng diện tích đất 260m² đã được 02 cụ tặng cho bà H vào ngày 30/12/1997 (*Hợp đồng là chuyển nhượng theo mẫu tuy nhiên nội dung là tặng cho để làm nhà ở gần bố mẹ BL. 200, 206*).

Theo bà H thì bà có mở sổ tiền tiết kiệm cho bố mẹ 32.724.107 đồng (BL.197, 198) và bố mẹ có để lại cho bà H diện tích đất nêu trên để làm nhà ở. Xét thấy trong quan hệ về việc chuyển nhượng này thì cụ L (*do ông V là người giám hộ*) ông V bà C đều thừa nhận có việc các cụ V1 cụ L đã định đoạt phần tài sản này khi còn sống, về phía bị đơn thì cho rằng không biết có việc chuyển nhượng này và cũng không đồng ý với việc chuyển nhượng của 02 cụ cho bà H. Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản nêu trên là của cụ V1 và cụ L do vậy 02 cụ có quyền định đoạt tài sản của mình, vì thế những người thừa kế theo pháp luật và theo di chúc không có quyền đồng ý hay không đồng ý về việc định đoạt tài sản của 02 cụ. Thấy rằng việc chuyển nhượng diện tích đất nêu trên của 02 cụ cho bà H là có thật và được pháp luật thừa nhận, bởi các căn cứ sau:

- Ngày 30/12/1997 cụ V1 và cụ L có viết hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà H, cùng ngày cụ V1 làm đơn xin đo đạc đề nghị Sở địa chính thành phố H2 đo đạc hiện trạng để phân chia thửa đất ký hiệu 111 thành 03 phần để chuyển nhượng cho con gái là Hồ Thị Thanh H (BL.200).

- Tại thời điểm năm 1997 đất chưa có GCNQSD đất mà chỉ có các giấy tờ khác về QSD đất (BL.140 – 143). Ngày 24/6/2002 đã được cấp GCNQSD đất, sở hữu nhà. Sau khi nhận chuyển nhượng đất năm 2012 bà H đã xây dựng nhà (nhà số 4 và số 5) cổng nhà ở độc lập, cách biệt với nhà của cụ V1 và cụ L các đồng thừa kế khác có biết và không phản ứng gì, việc xây dựng nhà không bị xử phạt hành chính (*Tại biên bản xen xét tại chỗ phía bị đơn chỉ có ý kiến rằng nhà số 3 là của cha mẹ xây dựng*).

- Xét chứng cứ của bà H đưa ra cũng như quá trình xây nhà của ở ổn định trên đất, đối chiếu với quy định tại điểm b.2 mục 2 Phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ – HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì hợp đồng giữa 02 cụ V1, cụ L với bà Hồ Thị Thanh H không bị vô hiệu (*trong trường hợp này khi đánh giá chứng cứ cũng có thể áp dụng án lệ số 03; bởi lẽ cha mẹ đã cho con đất con xây dựng nhà ở ổn định và cha mẹ không có ý kiến phản đối*) do vậy diện tích đất 260m² được xác định là cụ V1 và cụ L đã chuyển nhượng cho chị Hương cũng tương tự như việc chuyển nhượng 58m² cho sư cô Thích Diệu L.

[6] Từ những nhận định và viện dẫn tại [4] và [5] nêu trên xét thấy cần thiết phải sửa án sơ thẩm theo hướng xác định rõ kỹ phần của bà H1 được hưởng theo di chúc, nhằm giải quyết triệt để vụ án và giải quyết các yêu cầu về quyền lợi ích hợp pháp của đương sự trong đó có cụ L là người có tài sản liên quan đến nội dung di chúc và phần tài sản không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Đồng thời xác định rõ phần tài sản các cụ V1 và L đã định đoạt cho bà H và Sư cô khi cụ V1 còn sống. Việc xác định, phân chia cụ thể như sau:

- Diện tích đất của 02 cụ được xác định theo GCNQSD đất là 712m^2 đo thực tế là $714,7\text{m}^2$. Hai cụ đã định đoạt tài sản chung trước khi cụ V1 chết là $260\text{m}^2 + 58\text{m}^2 = 318\text{m}^2$.

- Nhà trên đất là nhà số 2 và số 3 tổng diện tích là $93,4\text{m}^2$.

- Tài sản chung còn lại diện tích đất là: $714,7\text{m}^2 - 318\text{m}^2 = 396,70\text{m}^2$ và nhà số 2 và số 3 là $93,4\text{m}^2$.

- Tài sản của cụ V1 là $= 396,70\text{m}^2 : 2 = 198,35\text{m}^2$ đất và $93,4\text{m}^2 : 2 = 46,70\text{m}^2$ nhà.

- Xác định kỹ phần của cụ L được hưởng theo Điều 669 BLDS năm 2005 $= 2/3$ suất của một người thừa kế theo pháp luật. Những người thừa kế theo pháp luật của cụ V1 có 06 người gồm con và vợ cụ V1 như vậy một suất kỹ phần thừa kế của cụ V1 là $198,35\text{m}^2 : 6 = 33,06\text{m}^2$ đất và $46,70\text{m}^2 : 6 = 7,78\text{m}^2$ nhà.

* $2/3$ của một suất thừa kế là: $22,40\text{m}^2$ đất và $5,19\text{m}^2$ nhà.

* Di sản được chia theo di chúc hợp pháp của cụ V1 cho bà H được xác định là: $198,35\text{m}^2 - 22,40\text{m}^2 = 175,95\text{m}^2$ đất và $46,70\text{m}^2 - 5,19\text{m}^2 = 41,5\text{m}^2$ nhà.

Xét thấy: Căn nhà số 02 và 03 là tài sản chung của cụ V1 và cụ L, nay xác định được cụ V1 được quyền để lại di chúc trong khối tài sản chung với cụ L cho bà H1 là $175,95\text{m}^2$ đất và $41,5\text{m}^2$ nhà.

Hiện nay nhà đất nói trên bà H1 và cụ L ông V cùng đang sinh sống do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chia cho bà H1 và cụ L một phần diện tích nhà phù hợp để ở và sử dụng đồng thời phân định rõ phần diện tích nhà và đất mà phần bà H1 được hưởng theo di chúc của cụ V1, phần nhà và đất còn lại là của cụ L và những người đã được 02 cụ chuyển nhượng là bà H và sư cô Thích Diệu L.

Diện tích đất, nhà bà Hồ Thị H1 được chia theo di chúc là $175,95\text{m}^2$ đất và $41,5\text{m}^2$ nhà có tứ cận như sau:

Về đất:

Phía Đông giáp phần đất còn lại của cụ L dài: 43,99 mét.

Phía Tây giáp thửa đất số 110 dài: 49,99 mét

Phía Nam giáp Kiệt đi đường T1 dài: 4 mét;

Phía Bắc giáp phần đất còn lại của cụ L dài: 4 mét.

Về nhà:

Diện tích nhà bà H1 được chia theo di chúc là $41,5\text{m}^2$ nhà nằm trên phần đất bà H1 được chia theo di chúc. Gồm toàn bộ căn nhà số 2 theo bản vẽ và một phần của căn nhà số 3 có chiều ngang (*Phía nam*) giáp kiệt đi đường T1 là 5 mét.

(Nhà và đất giáp đường T1 có sự chênh lệch nhau là do đất nở hậu và nhà số 3 có chiều ngang 8 mét. Phía gia đình bà H1 đông nhân khẩu hơn nên ưu tiên chia 5 mét- phần 3 mét là của cụ L).

Phần đất của bà H được sử dụng do được cụ L và cụ V1 chuyển nhượng là: *(Trên đất của bà H có nhà số 4 và số 5 do bà H sửa chữa xây dựng)*

* Diện tích đất 260 m² có tứ cận:

Phía Đông giáp chùa HS dài: 34,67 mét.

Phía Tây giáp đất và nhà cụ L dài: 34,67 mét

Phía Nam giáp Kiệt đi đường T1 dài: 7,5 mét

Phía Bắc giáp phần đất còn lại của Cụ L dài: 7,5 mét

Phần đất của Sư cô Thích Nữ Diệu L1 được sử dụng do được cụ L và cụ V1 chuyển nhượng là: *(Trên đất của Sư cô Thích Nữ Diệu L1 có nhà số 1 do Sư cô xây dựng)*

* Diện tích đất 58 m² có tứ cận:

Phía Đông giáp nhà đất của bà H1 được chia dài: 9,75 mét.

Phía Tây giáp thửa đất 28 dài: 9,75 mét

Phía Nam giáp thửa đất 110 dài: 5,95 mét

Phía Bắc giáp phần đất còn lại của Cụ L dài: 5,95 mét

Diện tích nhà đất của cụ L là phần còn lại sau khi đã trừ đi diện tích nhà đất của bà H1 được chia theo di chúc và phần đất các cụ đã định đoạt cho Sư cô Thích Nữ Diệu L1.

(Việc phân chia nêu trên có sơ đồ kèm theo)

Từ những nội dung trên xét thấy cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Hồ Thị Kim C, ông Hồ Tuấn V, bà Hồ Thị Thanh H *(ông V là người giám hộ cho cụ L)* sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế theo di chúc để xác định phần di sản do cụ V1 để lại cho bà H1 cũng như tài sản của cụ V1, cụ L đã định đoạt lại cho bà H, Sư cô Thích Nữ Diệu L1 và phần tài sản của cụ L trong khối tài sản chung *(trong đó có tính đến phần di sản không phụ thuộc vào di chúc)*.

[6] Án phí : Bà H1 phải chịu 76.701.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật trên trị giá tài sản của Bà được hưởng theo di chúc. $(175,95m^2 \text{ đất} \times 12.000.000 \text{ đồng} / m^2 = 2.111.400.000 \text{ đồng}, \text{ nhà } 41,5 m^2 \times 2.980.000 \text{ đồng} / m^2 = 123.670.000 \text{ đồng}).$ Tổng giá trị nhà đất là 2.235.070.000 đồng, án phí được tính là 72.000.000 đồng + 4.701.400 đồng = 76.701.400 đồng).

Miễn án phí dân sự cho cụ Nguyễn Thị Hồng L.

Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hồ Thị Kim C, ông Hồ Tuấn V, bà Hồ Thị Thanh H (*ông V là nguyên đơn là người giám hộ cho cụ L*). Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2019;

Áp dụng Điều 35, Điều 36, Điều 48 Luật Công chứng năm 2006; Điều 122, Điều 223, Điều 634, 652, 655, 657, Điều 672, 669 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 106, khoản 5 Điều 113 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 3 Điều 21, Điều 91 Luật Nhà ở năm 2005;

Xử: Chấp nhận một phần khởi kiện của bà Hồ Thị Kim C, ông Hồ Tuấn V, bà Hồ Thị Thanh H (*ông V là người giám hộ cho cụ L*).

1. Công nhận di chúc do cụ Hồ Đắc V1 lập vào ngày 23/4/2014 tại Văn phòng Công chứng N1 là bản Di chúc hợp pháp.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hồ Tuấn V, bà Hồ Thị Thanh H, bà Hồ Thị Kim C (*ông V là người giám hộ cho cụ L*) về yêu cầu xác định phần tài sản của cụ Hồ Đắc V1, và cụ Nguyễn Thị Hồng L và chia thừa kế tài sản đối với di sản của cụ ông Hồ Đắc V1 trong khối tài sản chung với cụ bà Nguyễn Thị Hồng L tại thửa đất 127, tờ bản đồ số 14 diện tích 712m² tọa lại tại 92/6/2 Đường Đ1 (nay là 184/6/2 Đường Đ1 (số cũ) và 6/2 đường T1 (số mới). Việc chia thừa kế thực hiện theo di chúc.

Diện tích nhà, đất bà H1 được chia theo di chúc là 175,95m² đất và 41,5 m² nhà có tứ cận như sau:

Về đất:

Phía Đông giáp phần đất còn lại của cụ L dài: 43,99 mét.

Phía Tây giáp thửa đất số 110 dài: 49,99 mét

Phía Nam giáp Kiệt đi đường T1 dài: 04 mét

Phía Bắc giáp phần đất còn lại của Cụ L dài: 04 mét

Về nhà:

Diện tích nhà bà Hồ Thị H1 được chia theo di chúc là 41,5 m² nhà nằm trên phần đất bà H1 được chia theo di chúc. Gồm toàn bộ căn nhà số 2 theo bản vẽ và một phần của căn nhà số 3 có chiều ngang (*phía nam*) giáp kiệt đi đường T1 là 05 mét.

(*Nhà và đất giáp đường T1 có sự chênh lệch nhau là do đất nở hậu và nhà số 3 có chiều ngang 8 mét. Phía gia đình bà H1 đông nhân khẩu hơn nên ưu tiên chia 5 mét- phần 3 mét là của cụ L*).

Phần đất của bà Hồ Thị Thanh H được sử dụng do được cụ L và cụ V1 chuyển nhượng là: (*Trên đất của bà H có nhà số 4 và số 5 do bà H sửa chữa xây dựng*).

* Diện tích đất 260 m² có tứ cận:

Phía Đông giáp chùa HS dài: 34,67 mét.

Phía Tây giáp đất và nhà cụ L dài: 34,67 mét

Phía Nam giáp Kiệt đi đường T1 dài: 7,5 mét

Phía Bắc Giáp phần đất còn lại của Cụ L dài: 7,5 mét

Phần đất của Sư cô Thích Nữ Diệu L1 được sử dụng do được cụ L và cụ V1 chuyển nhượng là: *(Trên đất của Sư cô Thích Nữ Diệu L1 có nhà số 1 do Sư cô xây dựng).*

* Diện tích đất 58 m² có tứ cận:

Phía Đông giáp nhà đất của bà H1 được chia dài: 9,75 mét.

Phía Tây giáp thửa đất 28 dài: 9,75 mét

Phía Nam giáp thửa đất 110 dài: 5,95 mét

Phía Bắc giáp phần đất còn lại của cụ L dài: 5,95 mét

Diện tích nhà đất của cụ Nguyễn Thị Hồng L là phần diện tích nhà đất còn lại sau khi đã trừ đi diện tích nhà đất của bà H1 được chia theo di chúc và phần đất các cụ đã định đoạt cho Sư cô Thích Nữ Diệu L1 và bà Hồ Thị Thanh H.

(Việc phân chia nêu trên có sơ đồ kèm theo)

* Các đương sự được quyền đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách GCN quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất trong GCN quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất số 00018/1679 – 2002 ngày 24 tháng 6 năm 2002 đối với diện tích nhà đất của mình được sử dụng theo bản án.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn- ông Hồ Tuấn V, bà Hồ Thị Thanh H, bà Hồ Thị Kim C chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Nguyên đơn đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Các nguyên đơn ông Hồ Tuấn V, bà Hồ Thị Thanh H, bà Hồ Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Hồ Tuấn V 15.000.000 đồng tạm ứng án phí (biên lai thu số 005193 ngày 12/10/2017 tại Cục Thi hành án Dân sự Thừa Thiên Huế).

Hoàn trả cho ông Hồ Tuấn V, bà Hồ Thị Thanh H, bà Hồ Thị Kim C mỗi người 300.000 đồng án phí phúc thẩm đã nộp tạm ứng theo các biên lai 005585, 005580 ngày 28/11/2019 và 005578 ngày 21/11/2019 tại Cục Thi hành án dân sự Thừa Thiên Huế.

Bà Hồ Thị H1 phải chịu 76.701.400 đồng án phí sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

Mai Xuân Thành